|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN**  **TỈNH BẮC KẠN**  Số: 451/QĐ-UBND | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc Bắc Kạn, ngày 22 tháng 3 năm 2023 |

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phân bổ và giao dự toán kinh phí sự nghiệp cho các đơn vị,**

**địa phương thực hiện nhiệm vụ năm 2023 (bổ sung lần 1)**

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;*

*Căn cứ Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về Quản lý, sử dụng đất trồng lúa;*

*Căn cứ Nghị định số 62/2019/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2019 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về Quản lý, sử dụng đất trồng lúa;*

*Căn cứ Thông tư số 18/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 01 năm 2016 của Bộ Tài chính Hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về Quản lý, sử dụng đất trồng lúa;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2023/TT-BTC ngày 06 tháng 01 năm 2023 của Bộ Tài chính về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 18/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 01 năm 2016 của Bộ Tài chính Hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về Quản lý, sử dụng đất trồng lúa;*

*Căn cứ Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 10 tháng 3 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về phân bổ và giao dự toán kinh phí sự nghiệp cho các đơn vị, địa phương thực hiện nhiệm vụ năm 2023 (bổ sung lần 1);*

*Căn cứ Kế hoạch số 155-KH/TU ngày 16 tháng 01 năm 2023 của Tỉnh ủy Bắc Kạn về kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức năm 2023;*

*Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 35/TTr-STC ngày 17 tháng 3 năm 2023.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phân bổ và giao dự toán kinh phí sự nghiệp cho các đơn vị, địa phương thực hiện nhiệm vụ từ nguồn năm 2022 chuyển sang và nguồn tỉnh điều hành chưa phân bổ năm 2023 (bổ sung lần 1), với tổng số tiền 11.688,219 triệu đồng (Mười một tỷ sáu trăm tám mươi tám triệu hai trăm mười chín nghìn đồng), trong đó:

1. Phân bổ kinh phí thực hiện nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức năm 2023:

a) Tổng kinh phí: 1.287,219 triệu đồng.

*(Có Biểu chi tiết số 01 kèm theo)*

b) Nguồn kinh phí: Nguồn sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề tỉnh điều hành năm 2023.

2. Phân bổ và giao dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ bảo vệ, phát triển đất trồng lúa năm 2023 theo Nghị định số 62/2019/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2019 của Chính phủ:

a) Tổng kinh phí: 10.401 triệu đồng, trong đó:

- Các đơn vị cấp tỉnh: 7.158 triệu đồng.

- Ủy ban nhân dân các huyện: 3.243 triệu đồng.

*(Có Biểu chi tiết số 02 kèm theo)*

b) Nguồn kinh phí: Nguồn tăng thu, tiết kiệm chi (số thu tiền bảo vệ và phát triển đất trồng lúa) ngân sách cấp tỉnh năm 2022 chuyển nguồn sang năm 2023.

**Điều 2.** Các đơn vị cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện có trách nhiệm quản lý, sử dụng và thanh quyết toán nguồn kinh phí được giao theo đúng quy định hiện hành.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Kho bạc Nhà nước Bắc Kạn, Chánh Văn phòng Tỉnh ủy, Hiệu trưởng Trường Chính trị tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  **CHỦ TỊCH**  **Nguyễn Đăng Bình** |

Biểu số 01

**BIỂU PHÂN BỔ DỰ TOÁN KINH PHÍ CÁC LỚP ĐÀO TẠO,**

**BỒI DƯỠNG CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC NĂM 2023**

*(Kèm theo Quyết định số 451/QĐ-UBND*

*ngày 22 tháng 3 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

| **STT** | **Đơn vị**  **thực hiện** | **Tên lớp** | **Kinh phí phân bổ năm 2023** |
| --- | --- | --- | --- |
| **TỔNG CỘNG** | | | **1.287,219** |
| **1** | **Văn phòng Tỉnh ủy** | | **401,659** |
| - | Ban Tổ chức Tỉnh ủy | Đào tạo Cao cấp lý luận chính trị hệ không tập trung | 360,000 |
| - | Ban Dân vận Tỉnh ủy | Bồi dưỡng nghiệp vụ cho cán bộ, công chức làm công tác dân vận | 41,659 |
| **2** | **Trường Chính trị tỉnh** | | **761,618** |
|  |  | - Đào tạo Trung cấp lý luận chính trị hệ tập trung | 585,870 |
|  |  | - Đào tạo Trung cấp lý luận chính trị không tập trung | 105,814 |
|  |  | - Bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước đối với công chức ngạch chuyên viên và tương đương | 22,498 |
|  |  | - Bồi dưỡng lãnh đạo, quản lý cấp phòng và tương đương | 47,436 |
| **3** | **Sở Nội vụ** | | **19,987** |
|  |  | - Bồi dưỡng nâng cao năng lực cho đội ngũ nữ lãnh đạo, quản lý; nữ cán bộ, công chức, viên chức trong diện quy hoạch lãnh đạo các cấp | 6,230 |
|  |  | - Bồi dưỡng kiến thức xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong bối cảnh hội nhập quốc tế và cách mạng công nghiệp 4.0 | 6,230 |
|  |  | - Bồi dưỡng kỹ năng xây dựng đề án, kỹ năng hoạch định chính sách cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức | 7,527 |
| **4** | **Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn** | | **103,955** |
|  |  | - Bồi dưỡng nghiệp vụ theo dõi diễn biến tài nguyên rừng | 38,958 |
|  |  | - Bồi dưỡng nghiệp vụ kiểm lâm địa bàn | 33,661 |
|  |  | - Bồi dưỡng nâng cao năng lực trong công tác cấp và quản lý mã số vùng trồng và cơ sở đóng gói phục vụ xuất khẩu; mã vùng trồng lĩnh vực trồng trọt | 15,668 |
|  |  | - Bồi dưỡng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực phục vụ phát triển sản xuất nông nghiệp hữu cơ | 15,668 |

Biểu số 02

**PHÂN BỔ VÀ GIAO DỰ TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN**

**NHIỆM VỤ BẢO VỆ, PHÁT TRIỂN ĐẤT TRỒNG LÚA NĂM 2023**

*(Kèm theo Quyết định số 451/QĐ-UBND*

*ngày 22 tháng 3 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

*\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_*

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Đơn vị** | **Kinh phí phân bổ và giao dự toán năm 2023** | **Trong đó** | |
| **Hỗ trợ cho người trồng lúa (không thấp hơn 50%)** | **Phần còn lại để thực hiện nội dung: Đầu tư xây dựng, duy tu bảo dưỡng các công trình hạ tầng nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn xã, trong đó ưu tiên đầu tư hệ thống giao thông, thủy lợi trên đất trồng lúa** |
|
| **A** | **B** | **1 = 2 + 3** | **2** | **3** |
|  | **Tổng cộng** | **10.401** | **4.615** | **5.786** |
| **I** | **Cấp tỉnh** | **7.158** | **1.372** | **5.786** |
|  | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | 7.158 | 1.372 | 5.786 |
| **II** | **Cấp huyện** | **3.243** | **3.243** | **-** |
| 1 | Huyện Bạch Thông | 713 | 713 | - |
| 2 | Huyện Ba Bể | 865 | 865 | - |
| 3 | Huyện Chợ Mới | 811 | 811 | - |
| 4 | Huyện Pác Nặm | 423 | 423 | - |
| 5 | Huyện Ngân Sơn | 431 | 431 | - |